

Hà nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19
Năm 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**
- Tên tiếng Anh: **Song Da 19 Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Song Đà 19 JSC**
- Mã cổ phiếu: **SJM**
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu:
- Địa chỉ: **TT9, B78, Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.**
- Số lượng cổ phiếu lưu hành : **5.000.000 Cổ phần**
- Điện thoại : **043.7876376**
- Fax: **043.7876375**
- Website: **http:// www.songda19.com.vn**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân là Xí nghiệp xây dựng trang trí nội thất được thành lập từ khi giải phóng năm 1975 thuộc liên hiệp xây dựng số 2 sau này đổi tên thành Công ty xi măng vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng

- Ngày 26 tháng 6 năm 1997 Bộ xây dựng có quyết định số 387/QĐ về việc thành lập Công ty xây dựng trang trí nội thất Sông Đà 19 thuộc Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở Xí nghiệp xây dựng trang trí nội thất thuộc Công ty xi măng vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng.

- Ngày 18 tháng 6 năm 2003 Bộ xây dựng có quyết định số 869/QĐ/BTX của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty thành Công ty cổ phần Sông Đà 19 và hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 3203000128 do sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Từ đây Công ty Cổ phần Sông Đà 19 chính thức hoạt động với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000, đồng (Ba tỷ đồng)

- Ngày 27 tháng 04 năm 2005 Công ty tăng vốn điều lệ lên 4.000.000.000, đồng (Bốn tỷ đồng) theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do Sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp.

- Ngày 14 tháng 9 năm 2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 15.000.000.000, đồng (Mười lăm tỷ đồng) theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 do Sở kế hoạch đầu tư TP Đà Nẵng cấp.

- Tháng 12 năm 2007 Công ty được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận nguyên tắc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Ngày 09 tháng 01 năm 2008 đã được chấp thuận chính thức với mã cổ phiếu là SJM theo quyết định số 03/GCN-TTGDHN

- Tháng 5 năm 2009 Công ty chuyển trụ sở chính từ 12 Hồ Xuân Hương, Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng đến Tầng 1, ĐN3, Nhà CT9, KĐT mới Mỹ Đình, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Ngày 15 tháng 1 năm 2011 Công ty được ủy ban chứng khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 3.500.000 cổ phiếu. Ngày 15 tháng 6 năm 2011 Công ty được trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất số 02/2008/GCNCP-VSD-1. Chứng nhận tổng số chứng khoán đã đăng ký của Công ty là 5.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị chứng khoán đăng ký là 50.000.000.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây, trạm biến áp, sân bay, bến cảng cầu;

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà, khách sạn

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh điện

- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị

- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm)

- Đầu tư và kinh doanh bất động sản

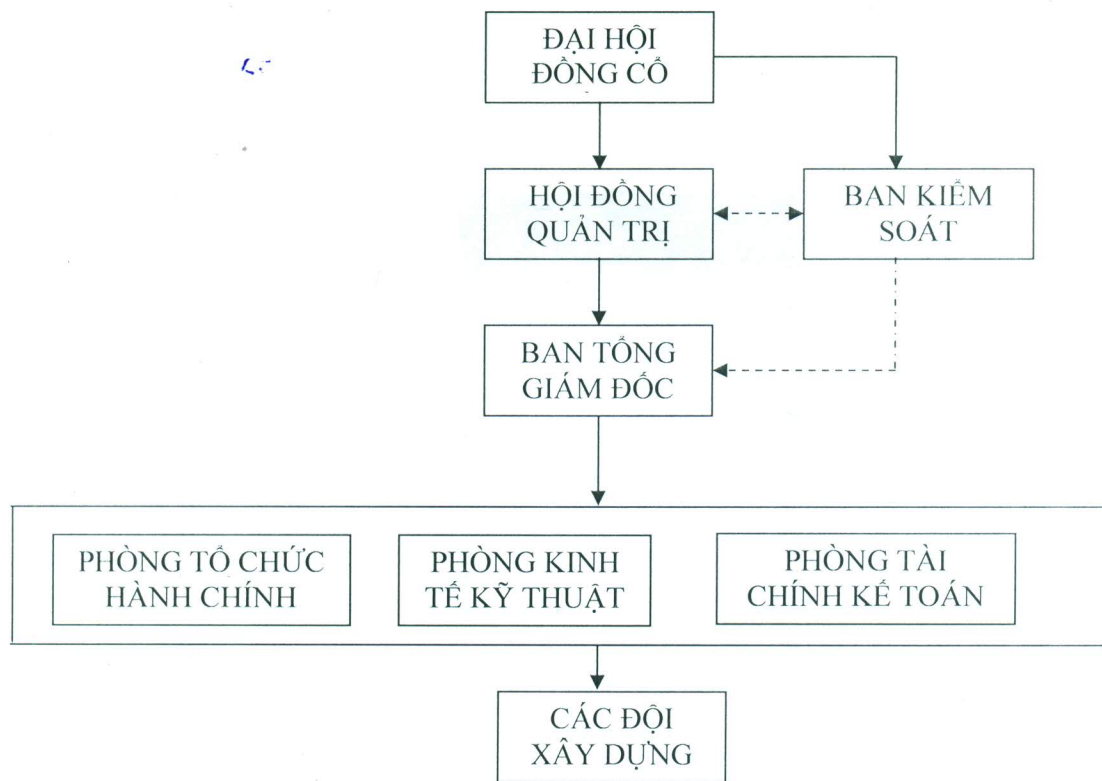
- Phá dỡ, san lấp và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng

- Dịch vụ nổ mìn

Do ngành nghề kinh doanh là xây dựng hạ tầng, thủy lợi, thủy điện nên địa bàn hoạt động chính của Công ty trong những năm qua trải dài từ miền Nam trung bộ (Khánh Hòa, Quảng Nam, Đà Nẵng) ra đến khu vực Tây bắc (tỉnh Lai Châu).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô Hình quản trị



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

- Ban Tổng Giám đốc điều hành: 03 người

- + Ông Vũ Trung Trực Tổng Giám đốc
- + Ông Bùi Khắc Giang Phó Tổng Giám đốc
- + Ông Phan Văn Hào Phó Tổng Giám đốc

- Các phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Phòng Tài chính kế toán

4.3 Các Công ty con, Công ty liên kết

4.3.1 Công ty TNHH thủy điện ĐắkLây (Công ty con)

- Địa chỉ : Số nhà 252 Đường Duy Tân, Phường Trường Chinh, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.
- Ngành nghề kinh doanh chính : Đầu tư, xây dựng
- Vốn điều lệ thực góp : 7.519.951.811 đồng
- Tỷ lệ sở hữu : 100%

4.3.2 Công ty cổ phần Sông Đà miền trung (Công ty liên kết)

- Địa chỉ : 155 Quận Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Thành phố Đà Nẵng
- Ngành nghề kinh doanh chính : Xây lắp
- Vốn điều lệ thực góp : 6.730.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu : 35%

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu

- Sắp xếp, cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư dài hạn trong đó xem xét thoái một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết;

- Giữ mối liên hệ tốt với Chủ đầu tư nhằm phát triển thêm các công trình mới trong lĩnh vực thi công;

- Tiếp tục tạo niềm tin và duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng là đối tác chiến lược, để duy trì nguồn vốn vay tín dụng ổn định đáp ứng nhu cầu vốn thi công các công trình;

- Tập trung công tác thu hồi công nợ thông qua việc thúc đẩy mạnh hoạt động của bộ phận thu hồi công nợ, đặc biệt tập trung vào việc thu hồi công nợ các dự án tại khu vực miền trung và có biện pháp mạnh để giải quyết nợ khó đòi;

- Tính toán phân bổ hợp lý các nguồn vốn trong từng thời gian cụ thể cho từng công trình, dự án nhằm đạt hiệu quả cao nhất;

5.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn:

- Xây dựng kế hoạch tìm kiếm việc làm trong giai đoạn tiếp theo trên cơ sở nghiên cứu kế hoạch phát triển kinh tế của các vùng, ngành, địa phương;

- Công ty chú trọng tập trung lĩnh vực hoạt động sở trường là xây lắp, nhận thầu thi công các công trình xây dựng trong và ngoài nước qua đó tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, đồng thời tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động này;

- Tham gia đấu thầu các công trình phù hợp với năng lực của công ty, cắt giảm chi phí, xác định lợi nhuận hợp lý, để giá dự thầu thấp nhất tăng khả năng trúng thầu;

- Thành lập và sắp xếp lại các Phòng nghiệp vụ nhằm đưa công ty trở thành Công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực và mang lại hiệu quả cao thông qua việc triển khai thêm các lĩnh vực mới;

- Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận bằng việc điều động, luân chuyển công việc tại các phòng ban và tại các công trình để từ đó đánh giá được những yếu tố phẩm chất tốt cần phát huy và bồi dưỡng làm nòng cốt cho Công ty sau này.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro từ môi trường bên trong

6.1.1 Nguồn nhân sự có chất lượng của công ty còn thiếu: Với lực lượng cán bộ ít về số lượng, trình độ chuyên môn chưa giỏi, đa phần là lực lượng cán bộ trẻ mặc dù có nhiệt huyết trong lao động, tuy nhiên kinh nghiệm thi công và kinh nghiệm quản lý còn yếu.

6.1.2 Năng lực thi công: hiện nay rất nhiều chủng loại máy móc, thiết bị tiên tiến hiện đại cho công tác xây dựng cơ bản được các Công ty lớn đầu tư. Trong khi đó năng lực thi công của Công ty còn nhiều hạn chế, máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, hay phải sửa chữa việc này ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.

6.1.3 Công tác tiếp cận và mở rộng thị trường còn rất hạn chế: Đây có lẽ là khâu yếu nhất của Sông Đà 19, với chuyên ngành thi công xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi, hạ tầng, giao thông, trong khi đó các dự án lớn về thủy điện hiện nay chỉ còn thủy điện Lai Châu, như vậy các dự án thủy điện lớn tại Việt Nam cơ bản đã hết. Năm 2013 nhà nước vẫn tiếp tục cắt giảm đầu tư công, lãi suất vẫn ở mức cao nên không thu hút được đầu tư do đó cơ hội để tìm kiếm việc làm càng khó khăn.

6.2 Rủi ro từ môi trường bên ngoài

6.2.1 Rủi ro từ môi trường tự nhiên: những năm gần đây thời tiết ngày càng khắc nghiệt khó dự đoán trước, việc mưa gió thất thường sẽ làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Công ty đặc biệt ảnh hưởng đến các dự án thi công cầu, đường.

6.2.2 Rủi ro trong kinh tế: Các chính sách như cắt giảm đầu tư công, giảm tăng trưởng tín dụng của nhà nước làm ảnh hưởng đến cơ hội tìm kiếm việc làm và tiếp cận nguồn vốn với chi phí lãi vay ở mức chấp nhận được của Công ty là rất khó khăn.

6.2.3 Rủi ro tài chính

- *Lãi suất:* Việc sử dụng vốn vay cho hoạt động SXKD thường chiếm tỷ lệ cao trong nguồn vốn kinh doanh. Chính vì thế, sự biến động lãi suất cho vay trên thị trường luôn có những tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

- *Tỷ lệ lạm phát:* Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình của nhiều năm gần đây tăng cao (20%-50%) làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào. Khi chi phí đầu vào tăng lên do lạm phát thì giá bán đầu ra cũng sẽ tăng lên tương ứng. Phần lớn các Hợp đồng xây dựng công ty ký kết đều không điều chỉnh giá. Như vậy, rủi ro từ lạm phát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là khó kiểm soát.

- *Tỷ giá hối đoái:* Các biến động của tỷ giá hối đoái luôn làm ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến giá các mặt hàng chủ chốt như: thép, xi măng, nhiên liệu...là những loại vật liệu chính của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Vì vậy sẽ tác động làm tăng chi phí sản xuất.

6.2.4 Rủi ro từ sự phát triển của khoa học công nghệ trong xây dựng: Trong những năm qua nền khoa học công nghệ của thế giới và trong nước luôn phát triển mạnh mẽ các thế hệ máy móc mới được ra đời với những tính năng vượt trội so với các thế hệ trước. Đối với lĩnh vực xây lắp hiện nay có rất nhiều thiết bị thi công mới hiện đại. Rõ ràng môi trường ứng dụng các khoa học công nghệ mới đang rất thuận lợi cho các doanh nghiệp lớn đổi mới công nghệ sản xuất đồng thời cũng là hạn chế của các doanh nghiệp nhỏ.

6.2.5 Rủi ro từ chính sách pháp luật: Việt Nam đang có thể mạnh nổi bật là có môi trường chính trị, an ninh quốc phòng ổn định thu hút được đầu tư, phát triển kinh tế. Tuy nhiên hệ thống chính sách, pháp luật của Việt Nam thường có nhiều thay đổi, ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng trong và ngoài nước.

6.2.6 Rủi ro từ việc cạnh tranh ngày càng gay gắt: Có thể nói ngành xây dựng hiện nay đang được đánh giá là cạnh tranh khốc liệt nhất, có rất nhiều doanh nghiệp đang thi công từ dân dụng, hạ tầng chuyên dụng thi công thủy điện như: Vinaconex, Licogi, Cavico...đồng thời rất nhiều công ty mới đầu tư thiết bị hiện đại, hạ giá thành để cạnh tranh thị trường như các đối thủ cạnh tranh trực tiếp với công ty đã phân tích phần trên.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Xem tại mục III

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành:

2.1.1 Ông VŨ TRUNG TRỰC

- Chức vụ hiện tại: Tổng giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh: 20/10/1968
- Nơi sinh: Bình Minh - Kim Sơn - Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Gia Trung - Gia Viễn - Ninh Bình
- Chứng minh nhân dân: **230 607 909** do CA Tỉnh Gia Lai cấp Ngày 30/3/2000
- Địa chỉ thường trú: Phòng 301- H4 Thanh Xuân Nam - Thanh Xuân - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1991 – 7/1991	Công ty Vật tư vận tải Sông Đà - Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà	Nhân viên kế toán
8/1991 – 3/1994	Công ty Xây dựng Thủy công Sông Đà - Tổng Công ty xây dựng Sông Đà	Trưởng ban kế toán Xí nghiệp Sêlabăm – Lào
4/1994 – 7/1997	Chi nhánh Công ty Sông Đà 12 tại Quy Nhơn	Kế toán trưởng
8/1997 – 12/1999	Công ty Sông Đà 16	Phó Kế toán trưởng
01/2000 – 3/2008	Công ty Sông Đà 5	Kế toán trưởng
4/2008 – 4/2009	Công ty Sông Đà 5	Thành viên HĐQT
6/2009 – 8/2012	Công ty CP Sông Đà 19	Phó Tổng giám đốc Công ty
8/2012 đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Tổng giám đốc Công ty

2.1.2 Ông BÙI KHẮC GIANG

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 19
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh: 30/10/1976
- Nơi sinh: Xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Xã Thạch Điện, huyện Thạch Trà, tỉnh Hà Tĩnh
- Chứng minh nhân dân: 012953870 Do CA Hà Nội cấp ngày 13/04/2007
- Địa chỉ thường trú: 30B khu tập thể Tổng cục II – Xuân Đình - Từ Liêm - Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Thủy lợi
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/1999-:- 11/2000	Chuyên viên văn phòng ĐD Công ty CP Sông Đà 10 tại Hà Nội	Cán bộ
11/2000-:- 12/2002	Công ty CP sông Đà 10 – CN Miền Bắc	Phó phòng kinh tế
12/2002-:- 07/2003	Công ty CP sông Đà 10 – XN 10.4	Trưởng phòng KT
07/2003-:- 3/2010	Công ty CP sông Đà 10 – XN 10.4	Phó giám đốc

3/2010 đến nay	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Phó Tổng Giám đốc
----------------	----------------------------	-------------------

2.1.3. Ông PHAN VĂN HẢO

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh: 10/12/1960
- Nơi sinh: Hoà Xuân - Cẩm Lệ - Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hoà Xuân - Hoà Vang - Đà Nẵng
- Chứng minh nhân dân: **200014720**
- Địa chỉ thường trú: Số 11 Châu Thượng Văn - Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1979-:- 1986	Công ty Xi măng VLXD Đà Nẵng - BXD	Cán bộ
1986-:- 1991	Du học tại Tiệp Khắc	Đội trưởng phiên dịch
1992-:- 1996	Công ty Xi măng VLXD Đà Nẵng - BXD	Cán bộ
1997-:- 2002	Công ty Sông Đà 19	TP.Kinh tế kỹ thuật
2002 -:- đến nay	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Phó Tổng Giám đốc

2.1.4. Ông TRẦN TRUNG KHÌN

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh: 12/8/1973
- Nơi sinh: Bình Minh – Thanh Oai – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Bình Minh – Thanh Oai – Hà Nội
- Chứng minh nhân dân: **013028465** Do CA Hà Nội cấp ngày 20/11/2008
- Địa chỉ thường trú: P409 nhà D1 Khu tập thể Thanh Xuân Bắc , Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính kế toán
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
4/1994 -:- 7/1996	Công ty XL thi công cơ giới Sông Đà 9 – Gia Lai	Nhân viên kế toán
7/1996-:- 11/2001	XN sửa chữa - Công ty XL thi công cơ giới Sông Đà 9 – Gia Lai	Kế toán trưởng Xí nghiệp
11/2001-:- 3/2008	Công ty CP Sông Đà 5	Nhân viên kế toán

3/2008-:- 6/2009	Công ty Sông Đà 12-Nguyên Lộc	Phó tổng giám đốc
6/2009 -:- 7/2010	Công ty TNHH kiểm toán Hồng Hà	Kế toán trưởng
7/2010-:- 9/2012	Công ty CP Sông Đà 5	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
9/2012 đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Kế toán trưởng Công ty

* Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần.

STT	Họ và tên cổ đông	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ tại ngày 31/8/2012	Số lượng CP nắm giữ tại ngày 18/3/2013
1	Vũ Trung Trực	Ủy viên HĐQT- Tổng GĐ	1.000	1.000
2	Bùi Khắc Giang	Ủy viên HĐQT -Phó TGD		
4	Phan Văn Hào	Phó TGD	1.164	1.164
5	Trần Trung Khìn	Kế toán trưởng		
	Tổng cộng		2.164	2.164

* Thông tin về quyền lợi và thù lao của thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, phụ cấp BQ/ tháng
1	Vũ Trung Trực	Tổng giám đốc	8.565.000
2	Bùi Khắc Giang	Phó TGD	7.031.000
3	Phan Văn Hào	Phó TGD	7.044.000
4	Trần Trung Khìn	Kế toán trưởng	7.631.000
	Tổng cộng		30.271.000

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: không

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

2.3.1 Số lượng cán bộ công nhân viên

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2013:

- Tính đến thời điểm 31/12/2013, tổng số lao động hiện có của Công ty là 33 người, trong đó có 24 lao động nam, chiếm 73% và 09 lao động nữ, chiếm 27 %. Cơ cấu lao động của Công ty phân loại theo trình độ học vấn như sau:

TT	Trình độ học vấn	Số người	Tỷ trọng (%)
I.	Trình độ chuyên môn		
1	Lao động trình độ trên đại học	2	3

2	Lao động trình độ đại học	20	30
3	Lao động trình độ cao đẳng	3	5
4	Lao động trình độ trung cấp	2	3
5	Lao động công nhân kỹ thuật	6	9
6	Lao động phổ thông	0	0
II.	Hợp đồng lao động		
1	- Không xác định	20	30
2	- Xác định thời hạn	12	18
3	- Lao động thời vụ	1	2
	Tổng cộng	66	100

2.3.2 Chính sách đối với người lao động:

- Nhằm mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ chính sách quy định của Nhà nước. Ký hợp đồng lao động đối với mọi thành viên trong Công ty, tổ chức ký thỏa ước lao động tập thể giữa lãnh đạo Công ty và Công đoàn Công ty để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, có chính sách thu hút nguồn cán bộ, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao vào làm việc, có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.

- Công ty cũng đã thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty hiện nay là 3.596.000 đồng/ người/ tháng. Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: không

3.2 Các Công ty con, Công ty liên kết

3.2.1 Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây (Công ty con)

+ Công ty TNHH thủy điện Đăk Lây hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100593280 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum cấp. Có trụ sở chính tại Số nhà 162, Đường Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Số vốn đã góp vào Công ty TNHH thủy điện Đăk Lây đến 31/12/2013 là 7.519.951.811, đồng. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty TNHH thủy điện Đăk Lây tại ngày 31/12/2013 là 100% .

+ Ngày 31 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết nghị số 49/NQ-SĐ19-HĐQT về việc thoái vốn tại Công ty TNHH thủy điện ĐăkLây do cơ cấu lại tổ chức sản xuất kinh

doanh của Công ty. Phương án thoái vốn từ 85% đến 95% có thể là 100% nếu đối tác mong muốn hoặc điều kiện cho phép/Tổng số vốn đã đăng ký cũng như đã góp. Giá trị chuyển nhượng phần vốn góp không thấp hơn 80% giá trị thực góp tại thời điểm thoái vốn (8.000đồng/1 cổ phiếu). Tại thời điểm 31/12/2013 Số vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Đắk Lắk là 7.519.951.811, đồng. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty TNHH thủy điện Đắk Lắk.

*** Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lắk**

TT	Chỉ tiêu	Năm nay
1	Tổng doanh thu thực hiện	1.283.525.195
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	4.145.666
3	Cơ cấu nguồn vốn và tài sản (thời điểm cuối năm)	
3.1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	19%
3.2	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	81%
3.3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	92%
3.4	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	9.2%

3.2.2 Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung (Công ty liên kết)

- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401380849 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2011, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Trụ sở chính tại: 155 Quận Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Thành phố Đà Nẵng. Số vốn góp vào Công ty CP Sông Đà Miền Trung tính đến ngày 31/12/2011 là 10.230.000.000, đồng. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty con tại ngày 31/12/2011 là 96,5%.

- Ngày 20 tháng 09 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã ra Quyết nghị số 01/NQMT-HĐQT về việc thông qua thoái vốn tại Công ty CP Sông Đà Miền Trung. Theo đó: Chuyển nhượng 350.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần với giá bán 10.000 đồng/ cổ phần tương ứng giá trị 3,5 tỷ đồng cho bên nhận chuyển nhượng là cổ đông sáng lập Lê Mạnh Huân. Số lượng cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 2 năm kể từ ngày hoàn tất việc chuyển nhượng. HĐQT cũng thông qua việc phát hành thêm 825.000 cổ phần để tăng vốn cho Sông Đà Miền Trung từ 11 lên 19.25 tỷ đồng và Công ty CP Sông Đà 19 sẽ không mua lượng cổ phần này và sẽ phân phối các quyền mua đó cho các cổ đông hiện hữu còn lại. Tại thời điểm 31/12/2013 Công ty chỉ còn số vốn góp vào Công ty CP Sông Đà Miền Trung là 6.730.000.000 đồng tương đương với tỷ lệ 35 % vốn điều lệ và trở thành Công ty liên doanh, liên kết. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty liên kết tại ngày 31/12/2013 là 35%

*** Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Sông Đà Miền Trung**

TT	Chỉ tiêu	Năm nay
1	Tổng doanh thu thực hiện	22.300.668.669
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	261.689.427
3	Cơ cấu nguồn vốn và tài sản (thời điểm cuối năm)	
3.1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	51%

3.2	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	49%
3.3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	38%
3.4	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	62%

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	131.399.961.337	78.792.326.474	-40%
2. Doanh thu thuần	76.865.657.903	34.885.556.529	-55%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(12.629.679.110)	(29.096.196.023)	-130%
4. Lợi nhuận khác	1.110.741.514	944.221.089	-15%
5. Lợi nhuận trước thuế	(11.518.937.596)	(28.151.974.934)	-144%
6. Lợi nhuận sau thuế	(11.712.368.222)	(28.151.974.934)	-140%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (lần) TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,34	1,11	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (lần) TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,97	0,90	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,72	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,63	2,63	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (vòng) Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	2,09	1,71	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	58%	44%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	-15%	-80%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-23%	-129%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-9%	-36%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh	-16%	-83%	

doanh/Doanh thu thuần			
-----------------------	--	--	--

5. Cơ cấu cổ ~~đ~~đồng, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tại ngày 31/12/2013 toàn bộ số lượng cổ phần của Công ty đều thuộc loại chuyển nhượng tự do. Công ty không có cổ phiếu niêm yết tại nước ngoài.

<i>Cổ phần</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tổng mệnh giá</i>	<i>% vốn điều lệ</i>	<i>Ghi chú</i>
1. Chuyển nhượng tự do	5.000.000	50.000.000.000	100	
2. Hạn chế chuyển nhượng				
Tổng cộng	5.000.000	50.000.000.000	100	

5.2 Cơ cấu cổ ~~đ~~đồng:

Cơ cấu cổ ~~đ~~đồng tại ngày 13/03/2013 như sau:

<i>Cổ đđồng</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Tổng mệnh giá (Triệu đồng)</i>	<i>% /vốn điều lệ</i>	<i>Ghi chú</i>
A. Cổ đđồng trong nước (825)	4.999.100	49.991,00	99,98%	
I. Cổ đđồng lớn (05)	1.794.294	17.942,94	35,89%	
1. Tổ chức	1.079.494	10.794,94	21,59%	
- Công ty SUDICO (MCK: SJS)	1.079.494	10.794,94	21,59%	
2. Cá nhân	714.800	7.148,00	14,30%	
- Đinh Quang Chiến	355.000	3.550,00	7,10%	
- Nguyễn Thị Hồng Hải	126.900	1.269,00	2,50%	
- Nguyễn Thị Kiều Lê	120.100	1.201,00	2,40%	
- Trần Long Huân	112.800	1.128,00	2,26%	
II. Cổ đđồng nhỏ (820)	3.204.806	32.048,06	64,10%	
B. Cổ đđồng nước ngoài (05)	900	9,00	0,02%	
- Tổ chức	0	0		
- Cá nhân	900	9,00	0,02%	
Tổng cộng (830)	5.000.000	50.000	100%	

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2013 Công ty không có thay đổi về tăng, giảm vốn điều lệ

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Đầu năm 2013 Công ty không có cổ phiếu quỹ, trong năm Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5 Các chứng khoán khác: Trong năm 2013 Công ty không phát hành bất cứ loại chứng khoán khác nào.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2013	Thực hiện KH SXKD năm 2013	% HT KH 2013
1	Tổng giá trị xây lắp	10 ³ đ	50.747.413	29.848.951	59%
2	Doanh thu	“	60.605.514	34.885.556	58%%
3	Lợi nhuận	“	656.665	(28.151.975)	-4287%
4	Thu nhập bq 1 CNV	“	3.500	3.596	103%
5	TS lợi nhuận/D.thu	%	1.08	-0.81	

1.2 Phân tích nguyên nhân:

Năm 2013 Công ty lỗ 28.151.974.934 đồng. Nguyên nhân là do các yếu tố sau:

1.2.1 Nguyên nhân khách quan:

- Thời điểm đấu thầu công trình, giá vật liệu xây dựng (VLXD) chưa tăng, nhưng tới khi khởi công xây dựng thì cả giá vật liệu, đơn giá nhân công đồng loạt tăng, kéo theo mọi chi phí khác tăng thêm. Công trình đường giao thông ĐăkNông đang trong quá trình làm thủ tục bàn giao với Chủ đầu tư nhưng đã đưa vào sử dụng, trong thời gian bàn giao công trình bị ảnh hưởng thời tiết mưa làm mặt đường hồng chi phí sửa chữa tăng rất cao ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh. Công trình cầu và đường Apa Bưởi Khánh Hoà do Công ty thiếu năng lực về vốn cũng như đội ngũ giám sát công trình còn yếu dẫn đến công trình bị chậm tiến độ cam kết nên Chủ đầu tư đã chấm dứt hợp đồng chuyển bàn giao công việc cho đơn vị khác.

- Giá trị thu hồi vốn tại các công trình thấp, chậm, nhiều công trình đã nghiệm thu xuất hóa đơn nhưng chủ đầu tư chưa thu xếp được vốn dẫn đến giá trị hàng tồn kho của Công ty cao. Do đó để triển khai thi công các công trình Công ty phải huy động nguồn vay vốn của Ngân hàng để thi công, trong khi chi phí lãi vay vẫn cao vì vậy làm tăng chi phí tài chính, dự án không còn hiệu quả thậm trí còn bị lỗ.

- Khủng hoảng tài chính toàn cầu cũng như nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, chi phí sử dụng vốn cao, các tổ chức tín dụng và ngân hàng hạn chế cho vay theo chính sách thắt chặt tín dụng của Nhà nước. ảnh hưởng trực tiếp đến các khoản đầu tư của Công ty. Ngoài ra Công ty đã lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là : 23.304.399.667, đồng

1.2.2 Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán:

Công tác nghiệm thu thanh quyết toán tại các công trình đã được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm. Đối với các khoản dở dang và công nợ phải thu, Công ty đã thành lập bộ phận thu vốn do

Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo các bộ phận thu hồi công nợ và tập trung đặc biệt vào các công trình có giá trị dở dang lớn như Dự án Nam Xa La, bệnh viện Bắc Ninh, Thủy điện Lai Châu.

Tuy nhiên các cố gắng trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán nhưng vẫn chưa đem lại kết quả tốt dẫn đến giá trị dở dang lớn, nguyên nhân chính : Tình hình khủng hoảng tài chính trong nước, lãi suất ngân hàng cao , Chính phủ cắt giảm đầu tư công nên việc giải quyết vốn thanh toán của chủ đầu tư tại các công trình rất chậm trễ, cơ chế thanh toán, nghiệm thu của chủ đầu tư tại các công trình phức tạp, thời gian thanh toán kéo dài..

1.3. Những tiến bộ công ty đã đạt được.

1.3.1 Công tác quản lý điều hành và tổ chức sản xuất:

- Đã ổn định và kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý điều hành của Công ty cũng như của Chi nhánh tại trụ sở mới, phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ giữ chức vụ quản lý nhằm phát huy tối đa tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong chỉ đạo điều hành công việc;

- Xây dựng được cơ chế quản lý khoán đội phù hợp đối với các công trình nhỏ, công trình ở xa trụ sở từ đó phát huy được nguồn lực trong Công ty, nâng cao vai trò của Đội trưởng và người lao động;

- Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

1.3.2 Công tác quản lý chất lượng, công tác an toàn:

- Lập hồ sơ đầy đủ trước khi thi công, quản lý hồ sơ thi công chất lượng công trình đầy đủ;

- Phối hợp giải quyết tốt các vướng mắc trong công tác thiết kế và biện pháp tổ chức thi công;

- Chất lượng công tác an toàn lao động tiếp tục được duy trì tốt, trong năm không xảy vụ tai nạn lao động nào.

1.3.3. Công tác quản lý lao động, tuyển dụng, đào tạo nhân lực

- Việc tuyển dụng lao động đã được quan tâm, chủ yếu là lực lượng trẻ mới ra trường trình độ và kinh nghiệm làm việc còn hạn chế nhưng cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện kỷ luật lao động tại hiện trường cũng như tại các phòng ban;

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ bảo trợ khác đối với người lao động, hàng tháng thanh toán lương cho người lao động đầy đủ và đúng kỳ.

1.3.4. Công tác quản lý tài chính, kinh tế- kế hoạch.

- Thực hiện đầy đủ và hoàn thiện công tác hạch toán kinh doanh hàng tháng, quý, năm làm cơ sở chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD;

- Huy động đủ vốn phục vụ cho hoạt động SXKD

- Xây dựng và triển khai kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với định hướng phát triển;

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hàng quý đã được xây dựng đầy đủ là cơ sở cho việc chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, xe máy, thiết bị, vật tư, tiền vốn... việc kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch thực hiện thường xuyên;

- Chất lượng công tác kế hoạch từng bước được cải thiện và dần đi vào nề nếp.

1.3.5. Công tác thu hồi vốn.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác này, Tổng giám đốc đã phân công cụ thể cho các thành viên trong Ban tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo từng công trình, cũng như phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chủ công trình, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện. Tuy nhiên các cố gắng của Công ty trong công tác thu vốn không đạt được kết quả tốt (giá trị dở dang và số dư công nợ cuối năm còn quá lớn: do các nguyên nhân khó khăn đã nêu ở phần trên)

* Kết luận: Trong năm 2013 có rất nhiều khó khăn, thách thức. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ ban Lãnh đạo và CBCNV Công ty đã đạt được những kết quả tích cực.

Mặc dù đã đạt được những kết quả trên nhưng năm 2013 công ty vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức :

- + Kết quả SXKD vẫn không đạt được như kỳ vọng;
- + Quyền lợi của cổ đông (cổ tức) không được bảo đảm;
- + Doanh thu thấp, công nợ phải thu và giá trị khối lượng dở dang vẫn còn rất lớn.

Tất cả những yếu kém trên hội tụ và phản ánh bức tranh kinh tế của Công ty là yếu kém và chưa vững chắc.

Trong bối cảnh nêu trên để đạt được mục tiêu tổng quát đặt ra cho năm 2013 đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc hơn nữa của toàn công ty từ ban lãnh đạo đến từng CBCNV phải thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp đề ra.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2013 giảm so với năm 2012 là do các yếu tố sau:

- Tài sản ngắn hạn: Giá trị hàng tồn kho là chỉ tiêu giảm lớn nhất do năm 2013 Công ty chủ yếu tập trung thi công, hoàn thiện các công trình trúng thầu từ những năm trước và chỉ nhận thi công thêm một số hạng mục phụ trợ công trình thủy điện Lai Châu.

- Tài sản dài hạn: là chỉ tiêu giảm mạnh nhất là do: Công ty nhận định tình hình khó khăn của kinh tế còn tiếp tục kéo dài việc đầu tư dàn trải sẽ làm ảnh hưởng đến nguồn vốn. Vì vậy Công ty quyết định giảm tài sản cố định hữu hình và các khoản đầu tư dài hạn, thu hồi vốn bổ sung vốn lưu động giảm vay ngắn hạn để tập trung cho sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- + Rút vốn đầu tư xây dựng CT Chung cư tổ hợp Nam Xala từ Công ty CP Đầu tư kinh doanh và phát triển hạ tầng KCN Phúc Hà
- + Thanh lý một số tài sản cố định hữu hình

2.2 Tình hình nợ phải trả

Tính đến 31/12/2013 Tổng nợ của Công ty là 57,072 tỷ đồng bằng 72,43% tổng nguồn vốn, tăng 10,38% so với năm 2012 (62,05%). Trong đó Nợ ngắn hạn chiếm 99,28% trong tổng nợ, tăng 0,28% so với năm 2012 (99%) là do tình hình thu hồi vốn tại các công trình chậm, các nguồn tín dụng bị hạn chế làm cho tăng công nợ phải trả khách hàng và các khoản công nợ khác. Tuy nhiên do thoái vốn được từ một số dự án đầu tư dài hạn Công ty đã tập trung trả nợ cho các khoản vay dài hạn đã làm cho Nợ dài hạn chỉ chiếm 0,01% trên Tổng nợ, giảm 0,99% so với năm 2012.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2013 mặc dù Nhà nước có các giải pháp hỗ trợ nhưng các doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Đối mặt với những khó khăn chung của nền kinh tế trong năm qua tập thể CBCNV Công ty đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tập trung đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa sức mạnh tập thể, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua từ đầu năm. Các chỉ tiêu kinh tế năm 2013 của Công ty cụ thể như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	KH	TH	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng	50.747.413	29.848.951	59%
2	Tổng doanh thu	60.605.514	34.885.556	58%
3	Lợi nhuận trước thuế	656.665	(28.151.975)	-4287%
4	Thu nhập bq/CBCNV	3.500	3.596	103%
5	Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%	

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, ngay từ đầu năm 2013 Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ như :

- Đã ổn định và kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý điều hành của Công ty theo định hướng phù hợp với điều kiện SXKD của đơn vị;

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, có vốn và mặt bằng thi công;

- Tìm kiếm và phát triển thị trường;

Tuy nhiên năm 2013 Công ty không đạt được một số chỉ tiêu kinh tế đề ra do các nguyên nhân:

- Tiềm lực tài chính và năng lực thi công hiện chưa đủ mạnh để cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành xây lắp cũng như tham gia đấu thầu các công trình lớn;

- Tình trạng thi công chưa đủ điều kiện như: thiếu mặt bằng, thiết kế sửa đổi bổ sung chậm phê duyệt, việc bố trí vốn của chủ đầu tư vừa thiếu vừa không phù hợp với tiến độ thi công đã làm cho công tác thi công kéo dài, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Đội ngũ Cán bộ quản lý, kỹ thuật chưa thật sự mạnh;

- Chưa thực hiện tốt chính sách thu hút, đãi ngộ đối với cán bộ có năng lực.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hai thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban Tổng giám đốc (Ông Vũ Trung Trực - Chức vụ: Tổng giám đốc; Ông Bùi Khắc Giang - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc) nên việc Báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng giám đốc cho HĐQT tiếp cận tới các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quản trị trong việc điều hành Sản xuất kinh doanh của Công ty qua Email, điện thoại ngoài cuộc họp thường kỳ.

- Hội đồng quản trị tiếp tục theo dõi, giám sát và có những quyết sách chỉ đạo bám sát tình hình kinh doanh cũng như hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc. Việc giám sát được thực hiện qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2014 với những cơ hội và thách thức mới, để giữ vững và phát triển nâng cao hiệu quả SXKD, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:

- Chỉ đạo phân tích, đánh giá tình hình hoạt động SXKD năm 2013, chấn chỉnh các mặt hoạt động trong năm 2013, các giải pháp khắc phục trong năm 2014;

- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2014, kế hoạch tài chính, lợi nhuận, dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp;

- Kiện toàn, định biên sắp xếp lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2014;

- Tăng cường công tác quản lý, tập trung nguồn lực đảm bảo theo hợp đồng đã ký kết;

- Giao khoán xe máy, thiết bị cho các Đội công trình;

- Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế phù hợp với tình hình SXKD;

- Duy trì các cuộc họp HĐQT.

3.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014 :

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	KH năm 2014	Ghi chú
A	GIÁ TRỊ SX KD			
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10³d	54.500.000	
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	10³d	60.454.454	
1	Doanh thu	“	54.454.455	
2	Thuế GTGT đầu ra	“	5.999.999	
III	LỢI NHUẬN	10³d		
1	Tỷ suất lợi nhuận TT/Doanh thu	%	0.50%	
2	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	0.55%	
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10³d	0	
1	Đầu tư tài chính	“	0	
2	Đầu tư dự án	“	0	

3.2. Kế hoạch đầu tư :

- Thoái vốn từ 85% đến 95% tại Công ty TNHH Thủy điện Đăklây

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 Thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- + Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- + Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- + Kiến nghị, sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- + Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- + Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;
- + Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

*** Ông: TRẦN MẠNH CƯỜNG**

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT
Giới tính : Nam
Ngày sinh: 19/5/1958
Nơi sinh: Liêm Hải – Trục Ninh – Nam Định
Quốc tịch: Việt Nam
Quê quán: Liêm Hải - Trục Ninh – Nam Định
Chứng minh nhân dân: **010391605**
Địa chỉ thường trú: Phường Tân Thịnh – Thành Phố Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình
Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Thủy Lợi

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1982 -:- 1990	Tổng công ty Sông Đà Hoà Bình	Cán bộ kỹ thuật
1990 -:- 1997	Xí nghiệp Vận tải, Công ty Xây Thủy điện Vĩnh Sơn	Phó Giám đốc
1997 -:- 1998	Công ty Sông Đà 18	Phó giám đốc, Giám đốc công ty
1998 -:- 2003	Công ty Sông Đà 19	Giám đốc Công ty
2003 -:- 4/2008	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Giám đốc công ty
4/2008 -:- 8/2012	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Tổng giám đốc Công ty
8/2012-:- đến nay	Công ty Cổ phần ĐTPT Đô thị & KCN Sông Đà	Chủ tịch công đoàn

*** Ông VŨ KIM LONG**

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 28/10/1973
 Nơi sinh: Thác Bà – Yên Bái
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: Hiệp Hoà – Hưng Hà – Thái Bình
 Chứng minh nhân dân: 0119977549
 Địa chỉ thường trú: Nhà M5, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
5/1995 -:- 5/1997	Đại diện Tổng công ty Sông Đà tại Miền trung	Cán bộ phòng tài chính kế toán
5/1997 -:- 1/1999	Công ty Xây Dựng Sông Đà 3	Phó kế toán trưởng Công ty
1/1999 -:- 2008	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Kế toán trưởng Công ty
2008 -:- 5/2009	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Phó Tổng Giám đốc Công ty
5/2009 -:- 11/2012	Công ty Cổ phần ĐTPT Đô thị & KCN Sông Đà	Kế toán trưởng Công ty
11/2012 đến nay	Công ty Cổ phần ĐTPT Đô thị & KCN Sông Đà	Chủ tịch HĐQT Cty CP Sudico Hoà Bình

*** Ông ĐINH QUANG CHIẾN**

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 18/05/1967
 Nơi sinh: Xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: Xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
 Chứng minh nhân dân: 161569735 cấp ngày 05/12/2005 tại CA tỉnh Nam Định
 Địa chỉ thường trú: P1705 nhà N09B1 khu đô thị Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
5/1991 -:- 8/1995	Cục thuế huyện Hải Hậu	Cán bộ chi Cục thuế Hải Hậu

9/1995 -:- 12/1995	Công ty XLTC cơ giới Sông Đà 9	Kế toán
1/1996 -:- 6/1997	Xí nghiệp 3- Công ty CP Sông Đà 9	Trưởng ban Tài chính Kế- toán
7/1997 -:- 9/2001	Chi nhánh Công ty cung ứng vật tư tại Yaly- Công ty xi măng Sông Đà-Yaly.	Kế toán trưởng
10/2001 -:- 3/2003	Công ty xi măng Sông Đà-Ialy	Trạm trưởng trạm cung ứng vật tư tại Sêsan 3
4/2003 -:- 12/2004	Công ty ĐT PT Đô thị và KCN Sông Đà	Kế toán trưởng XN dịch vụ Đô thị kiêm Trưởng ban kế- toán các dự án Hoà Bình
1/2005 -:- 3/2005	Công ty CP Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà.	Phó kế toán trưởng
4/2005 -:- 2007	Công ty CP Đầu tư- XD và kinh doanh nhà	Kế toán trưởng
1/2007 -:- đến nay	Công ty CP Đầu tư- XD và kinh doanh nhà	Ủy viên HĐQT
4/2013- đến nay	Công ty cổ phần Sông Đà 19	Thành viên HĐQT

*** Ông Vũ Trung Trực**

Lý lịch xem tại lý lịch tóm tắt của các thành viên Ban điều hành

*** Ông Bùi Khắc Giang**

Được bổ nhiệm tạm thời giữ chức Ủy viên HĐQT kể từ ngày 16/08/2012

Lý lịch xem tại lý lịch tóm tắt của các thành viên Ban điều hành

b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu công việc cho đến năm 2013 Công ty chưa thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị định kỳ (mỗi quý 1 lần) và tổ chức một số buổi họp đột xuất khác theo yêu cầu của công tác SXKD để kiểm điểm thực hiện các nhiệm vụ của kỳ trước, thông qua chủ trương và chỉ đạo sát sao việc thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty, đưa ra hướng giải quyết các vấn đề phát sinh, thông qua các chương trình hoạt động, ban hành các nghị quyết, quyết định...kịp thời cho công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm HĐQT đã ban hành 13 Nghị quyết phục vụ cho công tác điều hành SXKD của Công ty;

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị;

- Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của HĐQT;

- Thực hiện tốt việc sửa đổi bổ xung hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định cũ đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị;

- Quyết định thoái vốn tại Công ty TNHH thủy điện ĐăkLây.

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Công ty không có thành viên HĐQT độc lập

e) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Công ty chưa có các tiểu Ban giúp việc HĐQT.

f) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:** Tất cả thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản trị Công ty. Tất cả thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).**

BKS do ĐHDCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHDCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thành viên Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 ông (bà) sau:

* Ông **TRẦN THẾ ANH:** Trưởng ban kiểm soát

Đơn vị công tác hiện tại: Phó Kế toán trưởng Công ty CP Đ.tư P.triển đô thị & KCN Sông Đà

Giới tính :

Nam

Ngày sinh:

30/01/1981

Nơi sinh:

Hải Phòng

Quốc tịch:

Việt Nam

Quê quán:

Hải Phòng

Chứng minh nhân dân:

031180038

Địa chỉ thường trú:

Phòng số 515, tòa nhà CT6A, phường Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/2012- 12/2013	Công ty CP Đầu tư PT Đô thị & KCN Sông Đà	Phó Kế toán trưởng Công ty
4/2013- đến nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 19	Trưởng ban kiểm soát

* Ông **NGUYỄN VIỆT DŨNG:** Thành viên BKS

Đơn vị công tác hiện tại: Công ty CP chứng khoán Sao Việt

Giới tính :

Nam

Ngày sinh:

12/04/1983

Nơi sinh: Tỉnh Bắc Giang
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: Số 15, ngõ 2/2, đường Hùng Vương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
 Chứng minh nhân dân: 121481098 ngày 31/5/2008 tại Bắc Giang
 Địa chỉ thường trú: Số nhà 14A, ngõ 90, đường Khuyến Lương, quận Hoàng Mai, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
4/2013 -:- đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Thành viên Ban kiểm soát

*** Ông BUI TUẤN DŨNG: Thành viên Ban kiểm soát**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát; Trưởng phòng kinh tế kỹ thuật Công ty CP Sông Đà 19

Giới tính : Nam
 Ngày sinh: 30/ 06 /1979
 Nơi sinh: 98 Nguyễn Đức Sáu, hị trấn Nam Sách, tỉnh Hải Dương
 Quốc tịch: Việt Nam
 Quê quán: 98 Nguyễn Đức Sáu, hị trấn Nam Sách, tỉnh Hải Dương
 Chứng minh nhân dân: **017389154 cấp ngày 14/6/2012 tại Hà Nội**
 Địa chỉ thường trú: Số 157A- Ngõ 10, đường Chiến Thắng, Hà Đông, Hà Nội
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
8/2003-2009	Công ty CP Sông Đà 5	Cán bộ kỹ thuật
2009- đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật
4/2013- đến nay	Công ty CP Sông Đà 19	Thành viên Ban kiểm soát

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

- Năm 2013 Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế tổ chức và hoạt động của Ban, chú trọng kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác năm 2013 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Công ty, định kỳ kiểm tra trực tiếp.

- Trên cơ sở thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty cung cấp, các thành viên

Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc như: Kiểm tra, rà soát lại các tờ trình của Tổng giám đốc, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đồng thời có ý kiến đóng góp kịp thời.

- Các cuộc họp của HĐQT Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ.

- Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty, có ý kiến đóng góp đề đơn vị chỉnh sửa kịp thời đảm bảo báo cáo được lập theo đúng quy định, phản ánh trung thực tình hình tài chính của đơn vị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương BQ/tháng	Thù lao BQ/tháng
1. Trần Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	SUDICO	5.000.000
2. Vũ Trung Trực	Ủy viên HĐQT, TGD	10.000.000	3.000.000
3. Bùi Khắc Giang	Ủy viên HĐQT, Phó TGD	8.500.000	3.000.000
4. Vũ Kim Long	Ủy viên HĐQT	Sông Đà MT	3.000.000
5. Trần Thế Anh	Trưởng BKS	SUDICO	3.000.000
6. Bùi Tuấn Dũng	Thành viên BKS	7.000.000	1.500.000
7. Nguyễn Việt Dũng	Thành viên BKS	Sao Việt	1.500.000
8. Trần Trung Khìn	Thư ký HĐQT	8.000.000	1.500.000
Tổng cộng			24.500.000

Ghi chú: Căn cứ theo tờ trình số 10 SĐ19/TTr-ĐHCĐ ngày 25/3/2013 phương án trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Công ty năm 2013 nếu có lãi. Tính đến thời điểm lập Báo cáo thường niên 2013 Công ty không có lãi. Vì vậy không thực hiện chi trả thù lao cho Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2013.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (12/04/2013)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2013)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	

1	Vũ Kim Long		9.414	0.18	9.414	0.18	
2	Trần Mạnh Cường		25.954	0.51	25.954	0.51	
3	Vũ Trung Trực		1.000	0.02	1.000	0.02	
	Tạ Thị Giang	Vợ	2.000	0.04	2.000	0.04	
4	Phan Văn Hào		1.164	0.02	1.164	0.02	
5	Đình Quang Chiến		355.000	7.10	355.000	7.10	
6	Bùi Tuấn Dũng		84.800	1.70	84.800	1.74	

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

+ Đối với Công ty TNHH thủy điện ĐăkLây (Công ty con): không phát sinh

+ Đối với Công ty CP Sông Đà miền trung: không phát sinh

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã và đang thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 89/2014/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 được lập ngày 4 tháng 3 năm 2014, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của

Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội

Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc

Lê Văn Khoa – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1
Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 2014

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Báo cáo hợp nhất)

2.1. Bảng cân đối kế toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75,234,574,513	117,874,454,550
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	621,497,887	666,837,993
1. Tiền	111		621,497,887	666,837,993
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51,094,922,237	70,346,559,556
1. Phải thu khách hàng	131		38,460,563,621	52,010,280,816
2. Trả trước cho người bán	132		7,938,343,458	6,603,203,787
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	28,000,414,825	11,733,074,953
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(23,304,399,667)	-
IV. Hàng tồn kho	140		13,883,308,621	31,460,484,932
1. Hàng tồn kho	141	V.4	13,883,308,621	31,460,484,932
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,634,845,768	15,400,572,069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67,827,373	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,153,579,234	1,190,630,473
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	75,075	75,075
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	8,413,364,086	14,209,866,521

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75,151,278,046	41,871,391,769

I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		66,047,177,731	28,222,720,311
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1,816,951,620	3,182,777,373
<i>Nguyên giá</i>	222		9,056,266,329	15,009,517,462
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7,239,314,709)	(11,826,740,089)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	64,230,226,111	25,039,942,938
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8,537,780,798	13,416,491,837
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	7,017,780,798	7,036,491,837
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1,900,000,000	6,900,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.11	(380,000,000)	(520,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		566,319,517	232,179,621
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	485,581,396	151,441,500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	80,738,121	80,738,121
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		150,385,852,559	159,745,846,319

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		128,980,819,574	109,808,821,616

I. Nợ ngắn hạn	310		85,429,644,721	92,165,509,319
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	14,757,666,064	20,485,768,514
2. Phải trả người bán	312		25,763,000,803	31,617,778,795
3. Người mua trả tiền trước	313		4,430,375,324	12,133,496,717
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2,212,971,738	1,965,232,630
5. Phải trả người lao động	315		820,931,171	886,906,508
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1,644,990,141	42,567,970
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	35,786,256,143	25,005,645,757
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	13,453,337	28,112,428
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		43,551,174,853	17,643,312,297
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	43,140,425,373	17,027,188,077
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.20	410,749,480	616,124,220
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21,405,032,985	49,937,024,703
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	21,405,032,985	49,937,024,703
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13,510,260,157	13,510,260,157
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,057,911,703	3,057,911,703
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		775,138,871	775,138,871
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(45,938,277,746)	(17,406,286,028)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		150,385,852,559	159,745,846,319

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		49,616,895	49,616,895
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.06	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 4 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khìn

Vũ Trung Trực

2.2. Kết quả kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34,423,747,826	103,836,692,757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2,882,487,546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34,423,747,826	100,954,205,211
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	34,238,190,700	101,129,125,933
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185,557,126	(174,920,722)

6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13,072,677	190,664,189
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	1,905,313,035	7,798,856,844
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,034,209,423	7,160,624,988
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	26,822,246,191	5,350,065,870
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28,528,929,423)	(13,133,179,247)
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	1,524,471,736	33,493,925,103
12.	Chi phí khác	32	VI.7	1,508,822,992	31,986,508,889
13.	Lợi nhuận khác	40		15,648,744	1,507,416,214
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		2,229,393	306,491,837
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(28,511,051,286)	(11,319,271,196)
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		205,374,740	429,004,533
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(205,374,740)	(205,374,740)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(28,511,051,286)</u>	<u>(11,542,900,989)</u>
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	(7,112,699)
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.8	(28,511,051,286)	(11,535,788,290)
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(5,702)</u>	<u>(2,307)</u>

Lập, ngày 4 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Việt Thanh

Trần Trung Khìn

Vũ Trung Trực

2.3 Lưu chuyển tiền tệ: (Theo phương pháp gián tiếp)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính:
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(28,511,051,286)	(11,319,271,196)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		513,031,248	1,074,864,842
- Các khoản dự phòng	03		23,164,399,667	520,000,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(171)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(230,095,629)	(824,925,616)
- Chi phí lãi vay	06		2,034,209,423	7,160,624,988
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3,029,506,748)	(3,388,706,982)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8,824,142,211	(1,668,640,660)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		17,577,176,311	23,656,104,401
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6,332,504,759)	(8,946,602,672)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(363,822,590)	598,115,614
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,444,988,360)	(1,786,353,199)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(193,441,767)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		326,528,980	126,723,590
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(662,958,791)	(408,952,570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14,894,066,254	7,988,245,755
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(36,819,859,559)	(26,663,760,180)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,495,318,182	31,753,372,427
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của				

	đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3,500,000,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35,324,541,377)	8,589,612,247
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	36,568,924,289	34,326,936,617
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16,183,789,443)	(56,711,499,903)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20,385,134,846	(22,384,563,286)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(45,340,277)	(5,806,705,284)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	666,837,993	6,473,543,277
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	171	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	621,497,887	666,837,993

Lập, ngày 4 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
_____	_____	_____
Hoàng Việt Thanh	Trần Trung Khin	Vũ Trung Trực

2.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Đăng tải trên trang web: <http://songda19.com.vn>

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Vũ Trung Trực